



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**đăng ký Doanh nghiệp số**

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 5 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Quốc Dũng  
Ông Noboru Kobayashi  
Ông Chu Văn Phương  
Ông Trần Ngọc Bảo  
Ông Bùi Đức Long  
Ông Nguyễn Việt Phương  
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch  
Phó chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 28/4/2023)  
Thành viên (đến ngày 28/4/2023)  
Thành viên độc lập

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Chu Văn Phương  
Ông Trần Nhật Ninh  
Bà Ngô Thị Thu Thủy  
Ông Nguyễn Văn Thức  
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật  
Phó Tổng Giám đốc Sản xuất  
Phó Tổng Giám đốc Nội chính  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

**Ủy ban Kiểm toán**

Ông Đào Anh Thắng  
Ông Bùi Đức Long  
Ông Nguyễn Việt Phương

Chủ tịch  
Thành viên (từ ngày 28/4/2023)  
Thành viên (đến ngày 28/4/2023)

**Trụ sở đăng ký**

Số 2 An Đà  
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chú Văn Phương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, **22-03-2024**

2024  
NG  
HIỆM  
PM  
LIỆM



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22-03-2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00227-24-2



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **22-03-2024**

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>3.501.190.530.399</b>	<b>3.075.796.747.433</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>485.324.285.487</b>	<b>167.926.602.716</b>
Tiền	111		474.782.229.711	127.873.999.976
Các khoản tương đương tiền	112		10.542.055.776	40.052.602.740
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>950.000.000.000</b>	<b>432.857.808.219</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	950.000.000.000	432.857.808.219
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>889.524.952.669</b>	<b>890.889.388.815</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	869.315.928.192	866.425.088.081
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	48.015.836.819	73.350.864.092
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	27.162.774.191	13.201.215.478
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(54.969.586.533)	(62.087.778.836)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>1.158.634.823.678</b>	<b>1.535.149.437.534</b>
Hàng tồn kho	141		1.158.634.823.678	1.538.861.573.575
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.712.136.041)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.706.468.565</b>	<b>48.973.510.149</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.898.722.913	12.681.337.593
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		363.978.613	35.878.430.549
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153		443.767.039	413.742.007

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.952.508.608.465</b>	<b>1.988.040.342.651</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.328.548.642.812</b>	<b>1.410.746.940.838</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.321.443.292.812	1.403.427.508.608
<i>Nguyên giá</i>	222		3.116.054.800.291	3.062.315.499.643
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.794.611.507.479)	(1.658.887.991.035)
Tài sản cố định vô hình	227	13	7.105.350.000	7.319.432.230
<i>Nguyên giá</i>	228		16.966.399.107	16.966.399.107
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.861.049.107)	(9.646.966.877)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>47.357.468.650</b>	<b>8.679.749.912</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	47.357.468.650	8.679.749.912
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>442.338.913.287</b>	<b>424.164.579.920</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	337.713.724.687	329.539.391.320
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	95.960.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	10.000.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>134.263.583.716</b>	<b>144.449.071.981</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	133.239.678.683	143.187.441.487
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.023.905.033	1.261.630.494
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>5.453.699.138.864</b>	<b>5.063.837.090.084</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>2.338.199.851.626</b>	<b>2.233.019.745.258</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.338.199.851.626</b>	<b>2.233.019.745.258</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	313.255.093.379	287.076.377.670
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	10.500.805.769	44.233.927.436
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	19	59.998.511.380	30.549.531.968
Phải trả người lao động	314		60.930.665.983	60.722.160.180
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	147.447.718.074	65.771.331.043
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	23.850.827.773	39.597.874.952
Vay ngắn hạn	320	22	1.702.740.302.881	1.699.309.871.727
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	19.475.926.387	5.758.670.282
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>3.115.499.287.238</b>	<b>2.830.817.344.826</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>3.115.499.287.238</b>	<b>2.830.817.344.826</b>
Vốn cổ phần	411	25	1.295.753.340.000	1.295.753.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.295.753.340.000	1.295.753.340.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.174.251.384.986	1.023.163.062.043
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		645.494.562.252	511.900.942.783
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		280.442.842.735	256.724.220.151
- LNST năm nay	421b		365.051.719.517	255.176.722.632
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>5.453.699.138.864</b>	<b>5.063.837.090.084</b>

Người lập:



Lưu Thị Mai  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Chu Văn Phương  
Tổng Giám đốc

**22-03-2024**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>5.304.817.250.684</b>	<b>5.833.535.613.193</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>29</b>	<b>128.954.581.097</b>	<b>148.423.196.426</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>5.175.862.669.587</b>	<b>5.685.112.416.767</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>30</b>	<b>3.619.645.131.711</b>	<b>4.294.534.288.942</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.556.217.537.876</b>	<b>1.390.578.127.825</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	65.716.937.083	64.386.895.488
Chi phí tài chính	22	32	159.186.702.558	141.933.492.971
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>90.107.847.382</i>	<i>78.639.277.456</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	14.883.353.367	24.384.493.805
Chi phí bán hàng	25	33	632.394.350.574	620.367.663.869
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	190.068.009.046	154.378.233.969
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>655.168.766.148</b>	<b>562.670.126.309</b>
Thu nhập khác	31		5.564.988.483	3.907.435.527
Chi phí khác	32		1.451.283.306	2.097.978.928
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.113.705.177</b>	<b>1.809.456.599</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>659.282.471.325</b>	<b>564.479.582.908</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>36</b>	<b>99.630.025.347</b>	<b>84.652.427.020</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>36</b>	<b>237.725.461</b>	<b>287.432.256</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>559.414.720.517</b>	<b>479.539.723.632</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

42-x  
TY  
HỮU  
IG  
T.P.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	3.891	3.349

Người lập:



Lưu Thị Mai  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương  
Tổng Giám đốc

**22-03-2024**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>659.282.471.325</b>	<b>564.479.582.908</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	158.967.923.146	158.563.557.791
Các khoản dự phòng	03	(10.830.328.344)	(1.340.971.740)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	164.314.320	6.125.133.983
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(78.305.252.963)	(78.596.329.564)
Chi phí lãi vay	06	90.107.847.382	78.639.277.456
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>819.386.974.866</b>	<b>727.870.250.834</b>
Biến động các khoản phải thu	09	74.536.577.741	(154.647.463.307)
Biến động hàng tồn kho	10	380.226.749.897	(453.885.250.556)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	31.184.726.561	(8.470.003.961)
Biến động chi phí trả trước	12	2.066.815.212	(17.532.841.564)
		<b>1.307.401.844.277</b>	<b>93.334.691.446</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(91.096.728.796)	(75.448.956.761)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(81.623.702.942)	(93.735.496.338)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.864.854.000)	(40.096.884.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.132.816.558.539</b>	<b>(115.946.645.903)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(87.093.328.723)	(107.308.155.481)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	537.181.818	1.026.987.069
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng và đầu tư trái phiếu	23	(1.410.000.000.000)	(838.272.602.739)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	24	882.857.808.219	1.255.414.794.520
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	56.354.635.221	59.520.687.278
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(557.343.703.465)</b>	<b>370.381.710.647</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	3.495.320.036.145	4.618.066.332.386
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.494.199.870.329)	(4.534.823.775.266)
Tiền trả cổ tức	36	(259.150.668.000)	(312.159.184.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(258.030.502.184)</b>	<b>(228.916.626.880)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>317.442.352.890</b>	<b>25.518.437.864</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>167.926.602.716</b>	<b>142.541.519.801</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(44.670.119)</b>	<b>(133.354.949)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>485.324.285.487</b>	<b>167.926.602.716</b>

Người lập:



Lưu Thị Mai  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính




Chu Văn Phương  
Tổng Giám đốc

**22-03-2024**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 5 năm 2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động được cấp phép của Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 2 công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2023		1/1/2023	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
<b>Công ty con</b>							
1	Công ty TNHH Nhựa Thiểu niên Tiên Phong Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Lô C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (i)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và kinh doanh vận tải, các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	100%	100%

**(i)** Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (“Bất động sản Tiên Phong”) được thành lập vào ngày 18 tháng 5 năm 2015. Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiên Phong. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và các công ty con có 1.372 nhân viên (1/1/2023: 1.361 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của những công ty này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của Công ty trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

**(iv) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty hoặc công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 tháng.

**(iii) Bản quyền công nghệ**

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty và các công ty con là thuê hoạt động.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải. Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**4. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	337.355.211	866.043.599
Tiền gửi ngân hàng	451.444.874.500	127.007.956.377
Tiền đang chuyển	23.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	10.542.055.776	40.052.602.740
	<hr/>	<hr/>
	485.324.285.487	167.926.602.716
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số lượng	Giá gốc VND	31/12/2023 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	1/1/2023 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn								
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		950.000.000.000	950.000.000.000	950.000.000.000		432.857.808.219	432.857.808.219	432.857.808.219
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn								
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	100.000	10.000.000.000	(*)	-		-	-	-

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 5,2% đến 7,5% (1/1/2023: từ 5,7% đến 10%/năm). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là lãi suất tham chiếu + 1,3%, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b)	Đầu tư vào công ty liên kết	31/12/2023		1/1/2023		
		Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
	Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong phía Nam (i)	27,39%	27,39%	325.867.842.996	(*)	317.947.454.809 (*)
	Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong (ii)	49,98%	49,98%	11.845.881.691	(*)	11.591.936.511 (*)
	Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiên Phong – SMP (iii)	51%	51%	-	(*)	- (*)
				<u>337.713.724.687</u>		<u>329.539.391.320</u>

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

(ii) Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.

(iii) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiên Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phản ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết và thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu Theo nguyên tắc thận trọng. Công ty đã ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Công ty NTP-SMP tới bằng không trên báo cáo tài chính hợp nhất từ những năm trước.



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	329.539.391.320	305.154.897.515
Phần lãi trong công ty liên kết	14.883.353.367	24.384.493.805
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong phía Nam	14.029.678.187	24.203.192.741
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong	853.675.180	181.301.064
Cổ tức được chia	(6.709.020.000)	-
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong phía Nam	(6.109.290.000)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong	(599.730.000)	-
Số dư cuối năm	337.713.724.687	329.539.391.320

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị khác	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2023		1/1/2023	
			Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (i)	4.632.086	13,50%	46.784.068.600	-	46.784.068.600	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1.800.000	1,80%	41.400.000.000	-	41.400.000.000	66.600.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiên Phong	396.000	17,39%	5.148.000.000	-	5.148.000.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	1.128.120.000	-	1.128.120.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	1.500.000.000	(*)
			95.960.188.600	(1.335.000.000)	95.960.188.600	(1.335.000.000)

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 22).
- (\*) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	378.964.594.771	375.340.672.512
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (iii)	51.471.124.885	63.407.039.363
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	7.637.597.893	1.964.613.471
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (iii)	11.286.000	15.228.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (iii)	24.192.000	-
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	282.840.028.671	235.916.348.895
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	55.724.576.364	73.620.158.733
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	-	65.474.372.304
Iplex Pipelines NZ Ltd	8.403.595.985	18.888.932.956
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	13.851.981.980	16.935.150.960
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	62.148.467.743	11.642.880.145
Công ty TNHH Tam Phước	3.144.294.845	-
Các khách hàng khác	5.094.187.055	3.219.690.742
	869.315.928.192	866.425.088.081

- (i) Khoản phải thu này không tính lãi và được đảm bảo bằng 9.453.971 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khoán: NTP), thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (iii) Các khoản phải thu này không được đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	1.777.618.002	2.432.858.181
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH Eplas	26.376.348.099	10.282.845.424
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	1.618.499.179	17.325.655.600
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	4.636.750.454	3.841.482.876
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	120.980.258	3.195.238.962
Công ty TNHH Công nghệ Hoá nhựa Bông Sen	305.376.045	4.333.829.379
Công ty TNHH CT - Wearnes Việt Nam	-	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Van Vina	-	1.832.624.420
Các nhà cung cấp khác	13.180.264.782	18.106.329.250
	<hr/>	<hr/>
	48.015.836.819	73.350.864.092
	<hr/>	<hr/>

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền lãi	19.952.058.638	6.698.108.881
Tạm ứng	3.647.722.155	4.322.845.817
Đặt cọc	2.142.000.000	1.588.000.000
Phải thu khác	1.420.993.398	592.260.780
	<hr/>	<hr/>
	27.162.774.191	13.201.215.478
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2023			1/1/2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Nợ quá hạn</b>							
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 2 năm đến trên 3 năm	1.060.039.175	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 3 năm	51.471.124.885	(51.471.124.885)	-	Trên 3 năm	63.407.039.363	(59.738.819.632)
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	3.831.674.814	(1.149.502.444)	2.682.172.370			
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)
		<b>57.651.758.903</b>	<b>(54.969.586.533)</b>	<b>2.682.172.370</b>		<b>65.755.998.567</b>	<b>(62.087.778.836)</b>
							<b>3.668.219.731</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(54.969.586.533)

(62.087.778.836)

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	164.691.436.398	-	108.029.668.546	-
Nguyên vật liệu	673.841.648.470	-	1.036.383.754.047	(3.712.136.041)
Công cụ và dụng cụ	14.175.741.452	-	10.180.798.618	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.537.472.505	-	61.805.061.409	-
Thành phẩm	267.388.524.853	-	322.361.315.012	-
Hàng hóa	-	-	100.975.943	-
	<hr/>		<hr/>	
	1.158.634.823.678	-	1.538.861.573.575	(3.712.136.041)
	<hr/>		<hr/>	

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	1.686.383.380.521	1.180.179.810.727	177.827.293.636	17.925.014.759	3.062.315.499.643
Tăng trong năm	-	1.316.000.000	550.000.000	-	1.866.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	24.610.217.989	14.929.523.158 (17.016.833.646)	31.715.168.901 (2.119.096.754)	-	71.254.910.048 (19.381.609.400)
Thanh lý	-	-	-	(245.679.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.710.993.598.510</b>	<b>1.179.408.500.239</b>	<b>207.973.365.783</b>	<b>17.679.335.759</b>	<b>3.116.054.800.291</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	690.052.691.751	823.894.918.142	127.713.597.348	17.226.783.794	1.658.887.991.035
Khấu hao trong năm	79.646.537.612	61.965.906.195	13.134.010.249	343.824.588	155.090.278.644
Thanh lý	-	(17.001.986.446)	(2.119.096.754)	(245.679.000)	(19.366.762.200)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>769.699.229.363</b>	<b>868.858.837.891</b>	<b>138.728.510.843</b>	<b>17.324.929.382</b>	<b>1.794.611.507.479</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	996.330.688.770	356.284.892.585	50.113.696.288	698.230.965	1.403.427.508.608
Số dư cuối năm	941.294.369.147	310.549.662.348	69.244.854.940	354.406.377	1.321.443.292.812

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 753.218 triệu VND (1/1/2023: 634.293 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 323.949 triệu VND (1/1/2023: 363.546 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm và cuối năm	7.105.350.000	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	16.966.399.107
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	153.400.000	2.501.022.223	6.992.544.654	9.646.966.877
Khấu hao trong năm	-	-	-	214.082.230	214.082.230
Số dư cuối năm	-	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	9.861.049.107
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	7.105.350.000	-	-	214.082.230	7.319.432.230
Số dư cuối năm	7.105.350.000	-	-	-	7.105.350.000

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 9.861 triệu VND (1/1/2023: 2.654 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11.01.2024

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	8.679.749.912	36.506.524.504
Tăng trong năm	109.932.628.786	42.616.052.872
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	(71.254.910.048)	(56.526.951.042)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(12.154.157.288)
Khác	-	(1.761.719.134)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	47.357.468.650	8.679.749.912
	<hr/>	<hr/>
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	20.786.441.366	2.173.973.393
Máy móc, thiết bị	26.571.027.284	-
Dự án nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo	-	6.505.776.519
	<hr/>	<hr/>
	47.357.468.650	8.679.749.912
	<hr/>	<hr/>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ và</b> <b>dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	107.575.652.297	4.561.648.621	31.050.140.569	143.187.441.487
Tăng trong năm	-	1.909.375.913	8.336.582.333	10.245.958.246
Phân bổ trong năm	(3.663.562.272)	(3.565.633.058)	(12.964.525.720)	(20.193.721.050)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	103.912.090.025	2.905.391.476	26.422.197.182	133.239.678.683
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	20%	1.023.905.033	1.261.630.494

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	40.850.728.922	46.962.939.960
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	129.496.232.050	50.223.323.676
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	2.459.194.813	4.927.811.613
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	-	338.576.590
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	13.394.965.034	68.523.416.669
Solmer Future Ltd	25.336.052.500	-
Tricon Energy Ltd	9.294.201.000	37.395.864.000
Itochu Plastics Pte Ltd	9.495.688.605	-
Hyosung Chemical Corporation	7.324.569.000	25.016.785.200
PT Asahimas Chemical	-	18.361.728.000
Borouge Pte Ltd.	43.282.809.750	14.951.425.500
Các nhà cung cấp khác	32.320.651.705	20.374.506.462
	<b>313.255.093.379</b>	<b>287.076.377.670</b>

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023, Công ty và các công ty con không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Tam Phước	2.832.882.964	39.813.326.780
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	7.195.793.254	1.187.908.308
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	472.129.551	1.707.234.129
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	-	1.031.649.114
Các khách hàng khác	-	493.809.105
	<b>10.500.805.769</b>	<b>44.233.927.436</b>

**19. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2023</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp/ bù trừ trong năm</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	8.546.316	514.371.002.431	(503.992.722.351)	10.386.826.396
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	124.915.967.780	(124.915.967.780)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.606.986.951	99.630.025.347	(81.623.702.942)	29.613.309.356
Thuế thu nhập cá nhân	18.578.562.525	25.924.986.043	(24.860.609.116)	19.642.939.452
Tiền thuê đất	-	4.942.766.617	(4.942.766.617)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	14.301.964.929	(14.301.964.929)	355.436.176
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<b>30.549.531.968</b>	<b>784.089.713.147</b>	<b>(754.640.733.735)</b>	<b>59.998.511.380</b>

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	4.053.689.881	5.042.571.295
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	111.972.902.104	25.733.193.044
Chi phí vận chuyển	11.133.536.475	8.162.685.858
Chi phí thuê đất	15.782.944.497	12.612.990.373
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	1.784.260.395	9.417.320.861
Chi phí phải trả khác	2.720.384.722	4.802.569.612
	<hr/>	<hr/>
	147.447.718.074	65.771.331.043
	<hr/>	<hr/>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu	5.002.000.000	31.402.000.000
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	8.335.068.642	5.954.600.177
Nhận đặt cọc ngắn hạn	9.232.876.501	801.881.138
Phải trả Công đoàn	1.280.882.630	1.439.393.637
Các khoản phải trả khác		
	<hr/>	<hr/>
	23.850.827.773	39.597.874.952
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay ngắn hạn**

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	1.687.925.563.778	3.495.320.036.145	(3.482.815.562.380)	2.310.265.338	1.702.740.302.881	
Vay dài hạn đến hạn trả	11.384.307.949	-	(11.384.307.949)	-	-	
	<b>1.699.309.871.727</b>	<b>3.495.320.036.145</b>	<b>(3.494.199.870.329)</b>	<b>2.310.265.338</b>	<b>1.702.740.302.881</b>	

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 2,9% đến 5,7% (2022: từ 7,0% đến 9,5%).

Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị VND (1/1/2023: 948.205 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản:

- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 6);
- tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 323.949 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 363.546 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiên Phong****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	5.758.670.282	1.314.654.826
Trích lập trong năm (Thuyết minh 24)	15.582.110.105	14.540.899.706
Tạm ứng từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước (Thuyết minh 24)	-	30.000.000.000
Sử dụng trong năm	(1.864.854.000)	(40.096.884.250)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	19.475.926.387	5.758.670.282

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	1.177.961.830.000	1.034.576.932.192	495.438.942.708	2.707.977.704.900
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	117.791.510.000	(117.791.510.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	479.539.723.632	479.539.723.632
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	106.377.639.851	(106.377.639.851)	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 26)	-	-	(117.796.183.000)	(117.796.183.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 26)	-	-	(194.363.001.000)	(194.363.001.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 23)	-	-	(14.540.899.706)	(14.540.899.706)
Tạm ứng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 23)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	1.295.753.340.000	1.023.163.062.043	511.900.942.783	2.830.817.344.826
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	559.414.720.517	559.414.720.517
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	151.088.322.943	(151.088.322.943)	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 26)	-	-	(64.787.667.000)	(64.787.667.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 (Thuyết minh 26)	-	-	(194.363.001.000)	(194.363.001.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 23)	-	-	(15.582.110.105)	(15.582.110.105)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	1.295.753.340.000	1.174.251.384.986	645.494.562.252	3.115.499.287.238

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2023 và 1/1/2023</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	129.575.334	1.295.753.340.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## **26. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức còn lại của năm 2022 bằng tiền trị giá 64.788 triệu VND (500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 5% vốn điều lệ) (2022: phân phối khoản cổ tức còn lại của năm 2021 bằng tiền trị giá 117.796 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ)).

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết về việc tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2023 trị giá 194.363 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ) (2022: tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền trị giá 194.363 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ)).

## **27. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê đất**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	44.201.976.835	44.201.976.835
Trên năm năm	232.490.644.466	243.352.642.591
	<hr/>	<hr/>
	287.554.619.426	298.416.617.551
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	604.413	14.508.927.104	42.694	997.322.029
		<hr/>		<hr/>

**(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	16.499.693.934
			<hr/>	<hr/>

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	74.876.264.537	56.610.270.109
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	5.084.238.077.955	5.634.104.110.169
▪ Doanh thu khác	220.579.172.729	199.431.503.024
	<hr/> 5.304.817.250.684	<hr/> 5.833.535.613.193
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(119.225.256.718)	(129.148.773.018)
▪ Hàng bán bị trả lại	(8.789.733.257)	(10.973.940.315)
▪ Giảm giá hàng bán	(939.591.122)	(8.300.483.093)
	<hr/> (128.954.581.097)	<hr/> (148.423.196.426)
Doanh thu thuần	<hr/> 5.175.862.669.587	<hr/> 5.685.112.416.767

**30. Giá vốn hàng bán**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	3.401.917.587.044	4.090.476.292.147
▪ Giá vốn khác	221.439.680.708	203.792.219.874
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.712.136.041)	265.776.921
	<hr/> 3.619.645.131.711	<hr/> 4.294.534.288.942

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	55.831.912.906	46.690.323.084
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.817.372.105	9.001.660.976
Cổ tức được chia	7.067.652.072	8.694.911.428
	<hr/>	<hr/>
	65.716.937.083	64.386.895.488

**32. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	90.107.847.382	78.639.277.456
Chiết khấu thanh toán	65.574.471.715	50.841.926.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.504.383.461	12.452.289.071
	<hr/>	<hr/>
	159.186.702.558	141.933.492.971

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	53.233.664.878	37.654.182.211
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	323.537.152.838	295.082.738.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.742.725.165	20.834.047.537
Chi phí vận chuyển	113.798.110.017	129.747.200.477
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	37.151.183.830	74.355.656.867
Chi phí bán hàng khác	81.931.513.846	62.693.838.014
	<hr/>	<hr/>
	632.394.350.574	620.367.663.869

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	96.653.018.745	71.681.611.998
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.140.900.530	33.553.780.588
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(7.118.192.303)	(1.606.748.661)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	71.392.282.074	50.749.590.044
	<hr/>	<hr/>
	190.068.009.046	154.378.233.969
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.090.116.924.468	3.859.052.761.623
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	323.537.152.838	295.082.738.763
Chi phí nhân công và nhân viên	397.110.461.406	380.811.765.574
Chi phí khấu hao và phân bổ	158.967.923.146	158.563.557.791
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(7.118.192.303)	(1.606.748.661)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.901.106.570	339.607.928.567
Chi phí khác	95.962.896.241	68.655.306.041
	<hr/>	<hr/>

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	98.967.457.113	84.652.427.020
Dự phòng thiếu trong năm trước	662.568.234	-
	<hr/>	<hr/>
	99.630.025.347	84.652.427.020
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Ảnh hưởng của lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	237.725.461	287.432.256
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	99.867.750.808	84.939.859.276
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	659.282.471.325	564.479.582.908
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	131.856.494.265	112.895.916.582
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	(20.666.310.722)	(16.357.815.747)
Thu nhập không bị tính thuế	(4.390.201.088)	(6.615.881.047)
Ưu đãi thuế của công ty con	(10.333.155.361)	(8.178.907.874)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.377.743.001	3.196.547.362
Dự phòng thiếu trong năm trước	662.568.234	-
Lỗi tính thuế chưa được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại	360.612.479	-
	<b>99.867.750.808</b>	<b>84.939.859.276</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.
- Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2013 đến năm 2027) và mức thuế suất phổ thông cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về Cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	559.414.720.517	479.539.723.632
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(55.209.254.770)	(45.582.110.105)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	504.205.465.747	433.957.613.527
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (số cổ phiếu) (Thuyết minh (37(b)))	129.575.334	129.575.334
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.891	3.349

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 55.209 triệu VND.

**(b) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	129.575.334	117.796.183
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	11.779.151
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	129.575.334	129.575.334

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Các công ty liên kết</b>		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	152.920.310.840	134.739.453.360
Mua hàng hóa, dịch vụ	247.815.031.631	248.685.558.501
Hàng bán bị trả lại	144.835.822	840.071.168
Cổ tức được nhận	6.109.290.000	-
Phí bản quyền	-	3.400.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	30.472.910.567	36.261.827.079
Cổ tức được chia	599.730.000	499.775.000
Doanh thu bán hàng hóa	24.150.000	29.140.000
Thu hồi lại khoản cho vay	-	15.461.572.866
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải</i> <i>– công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân</i> <i>liên quan của Công ty</i>		
Hàng bán trả lại	1.095.826.375	142.162.700
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong</i> <i>– công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	80.050.690	36.460.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	55.504.459.300	73.531.010.180
<i>Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung</i> <i>thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	33.145.113.839	5.723.192.571
Mua hàng hóa	210.107.914.380	556.657.409.286
Hàng bán trả lại	40.290.430	15.827.454

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác		
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	5.024.738.124	4.322.710.128
Ông Noboru Kobayashi – Phó chủ tịch	1.203.600.000	904.000.000
Ông Bùi Đức Long – Thành viên <i>(từ ngày 28/4/2023)</i>	50.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Phương – Thành viên <i>(đến ngày 28/4/2023)</i>	362.750.000	271.000.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên	995.580.000	919.080.000
<b>Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	4.763.745.916	4.218.706.499
<b>Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	3.736.305.864	3.329.506.168
<b>Những người quản lý khác</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	7.490.910.696	7.124.544.540

**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bù trừ khoản phải thu về cho vay và khoản phải trả		- 15.461.572.866

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiêu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Người lập:



Lưu Thị Mai  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương  
Tổng Giám đốc

**22-03-2024**